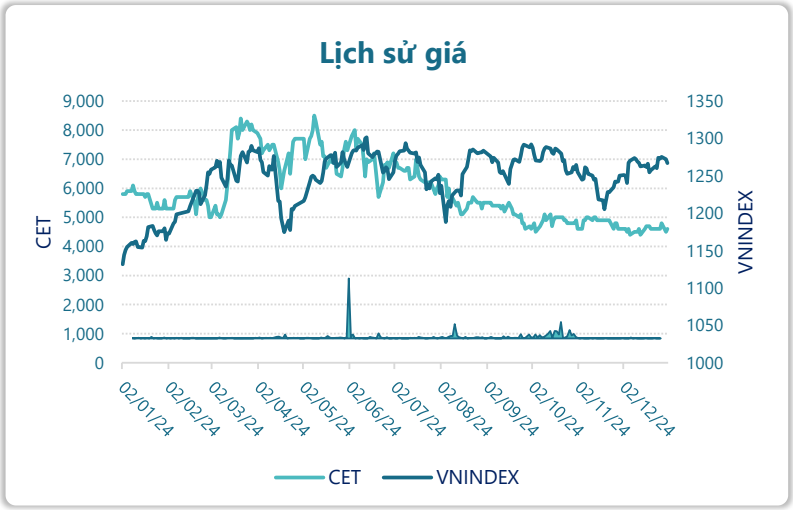
FireAnt

CTCP HTC Holding (HNX: CET)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	6,050,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,930
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	28
P/E	418.3
EPS	11

DT thuần

Q4/24

0

tỷ VNĐ

YoY: ▼40.5| -100%

LN sau thuế

Q4/24

0.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.17| -83.1%

YoY: ▲ 0.25| 117%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.1%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

2024

85.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.50| -9.1%

LN sau thuế

2024

0.07

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.04| -40.4%

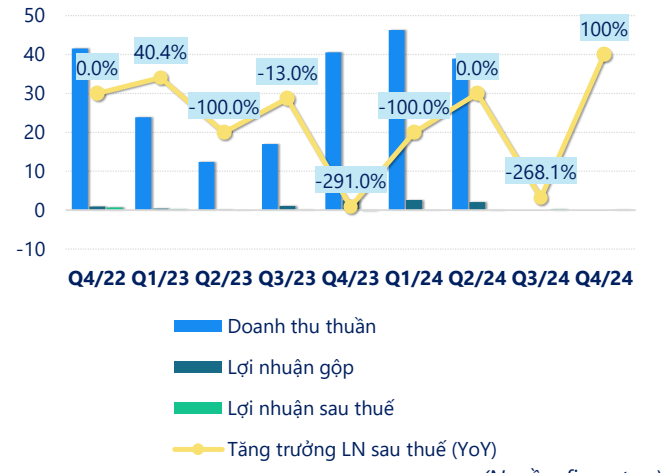
ROE

2024

0.1%

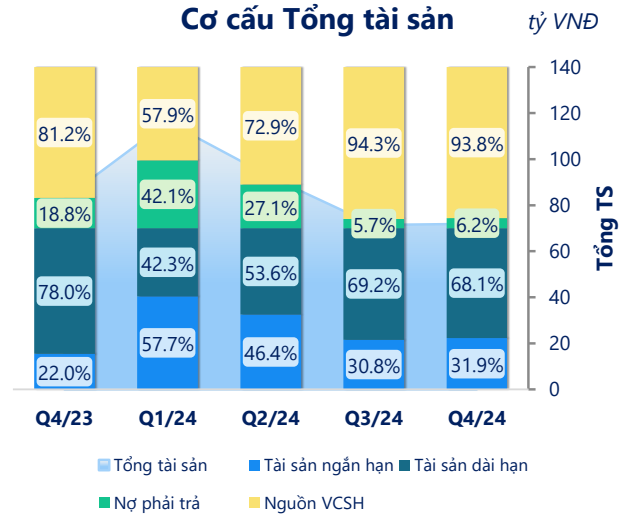
+/- YoY: ▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh



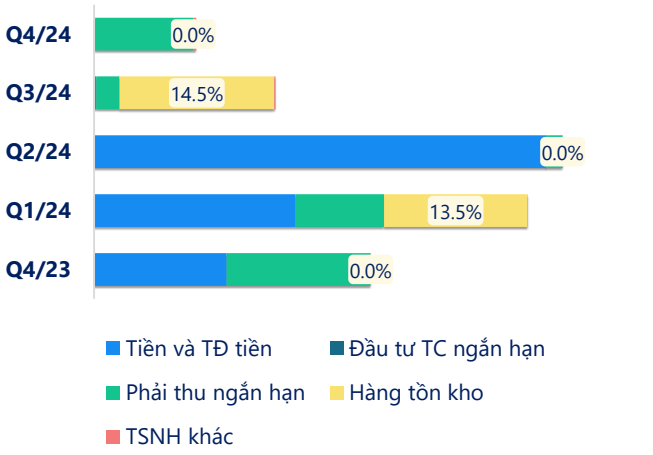
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



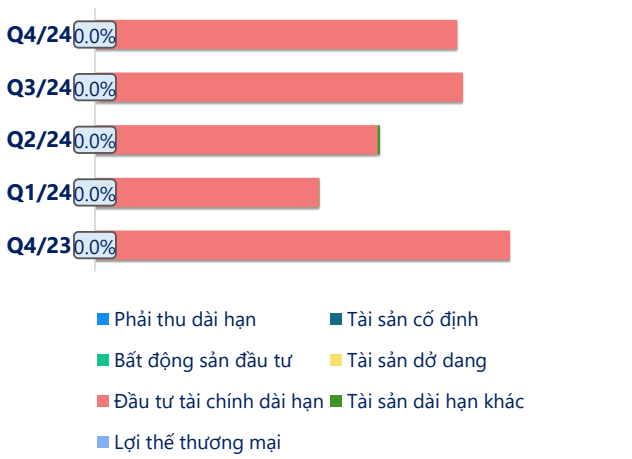
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



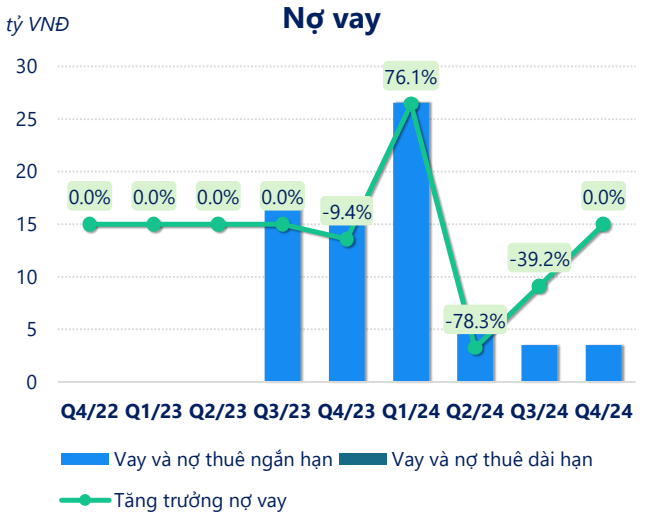
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



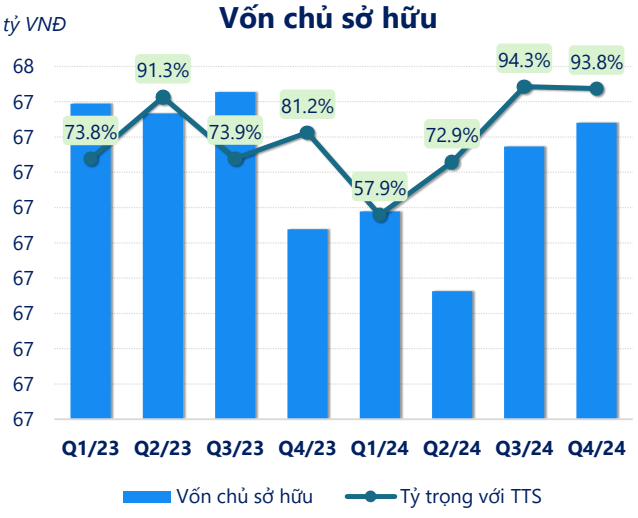
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



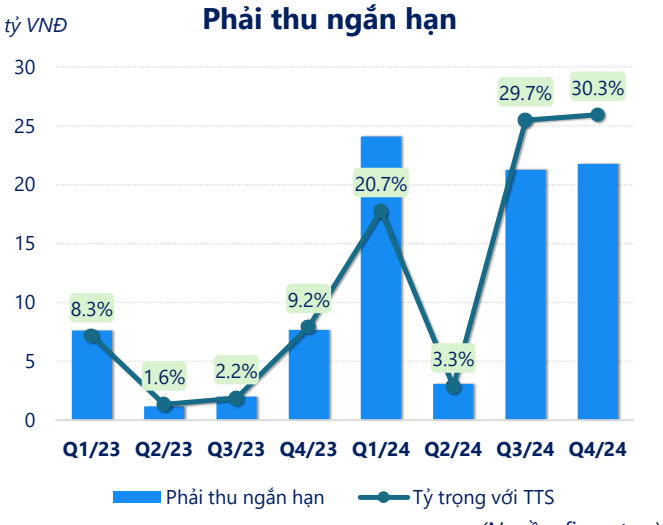
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



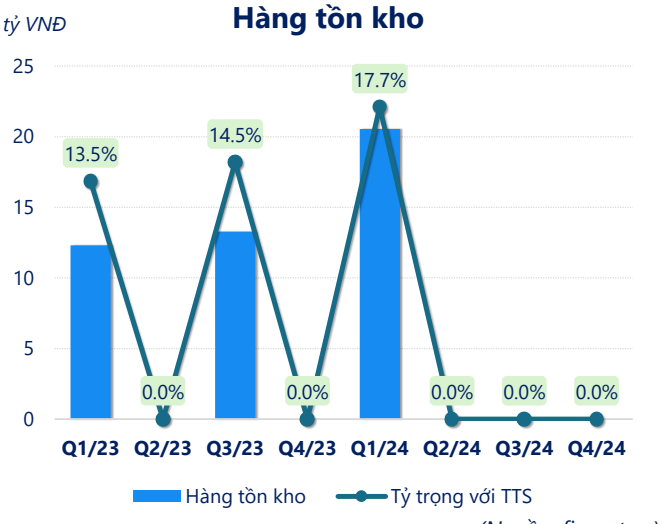
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



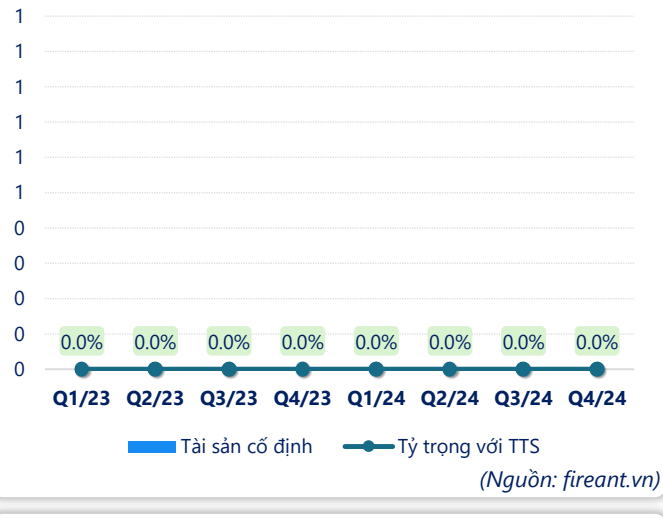
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



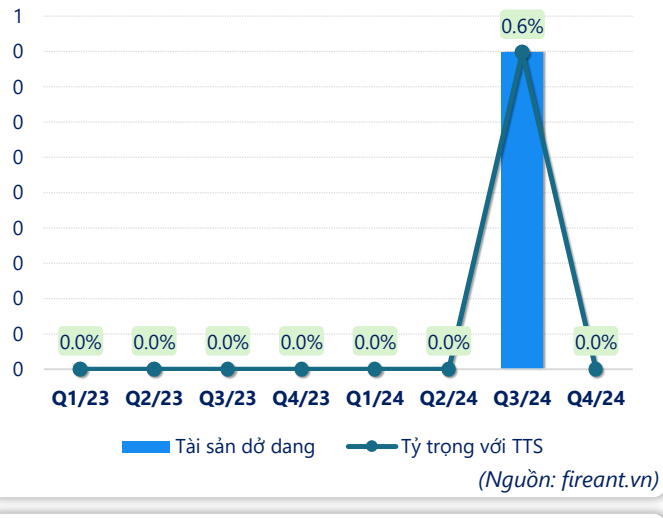
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



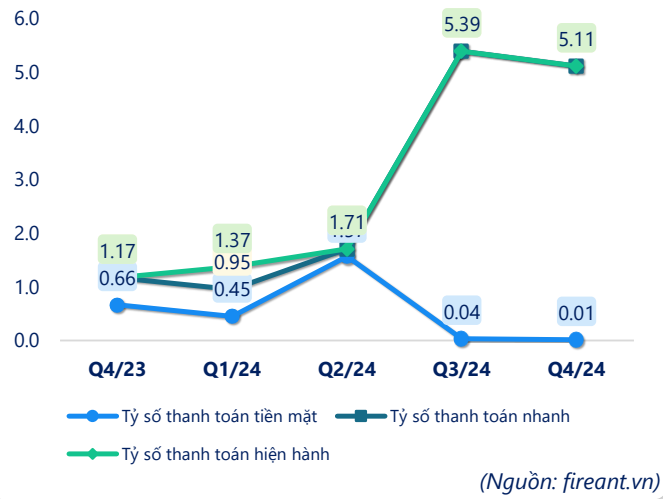
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



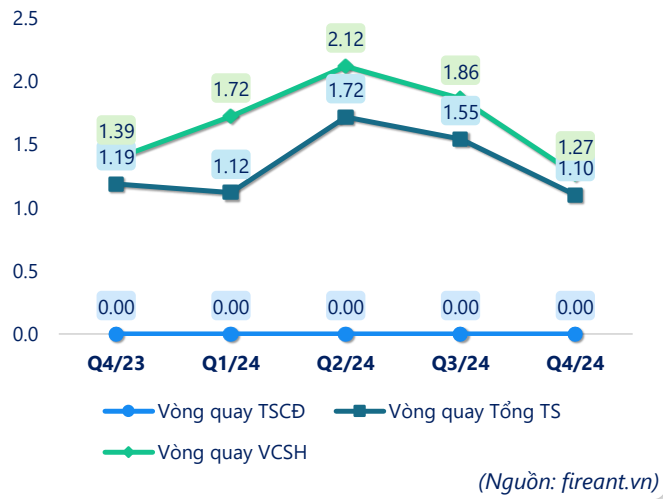
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**82.8**	**116**	**92.2**	**71.5**	**71.9**
Tài sản ngắn hạn	**18.2**	**67.1**	**42.8**	**22.0**	**22.9**
Tiền và tương đương tiền	10.3	22.0	39.2	0.15	0.06
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	7.65	24.1	3.08	21.3	21.8
Hàng tồn kho	0	20.5	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.22	0.45	0.52	0.62	1.07
Tài sản dài hạn	**64.6**	**49.1**	**49.4**	**49.4**	**49.0**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.45	0
Đầu tư tài chính dài hạn	64.6	49.0	49.0	49.0	49.0
Tài sản dài hạn khác	0	0.08	0.42	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**15.5**	**48.9**	**25.0**	**4.09**	**4.48**
Nợ ngắn hạn	**15.5**	**48.9**	**25.0**	**4.09**	**4.48**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.1	26.5	5.75	3.50	3.50
Phải trả người bán ngắn hạn	0.00	19.9	15.0	0.04	0.10
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**67.3**	**67.3**	**67.2**	**67.4**	**67.4**
Vốn chủ sở hữu	**67.3**	**67.3**	**67.2**	**67.4**	**67.4**
Vốn điều lệ	60.5	60.5	60.5	60.5	60.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)